

Số: 1953 /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 02 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế; phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4005/TTr-SXD ngày 01/11/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này:

1. Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau (kèm theo Danh mục).

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính được nêu tại khoản 1 Điều này (kèm theo Quy trình).

**Điều 2.** Giao các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Ban Quản lý Khu kinh tế, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau chủ trì, phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh), Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện) và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện công khai thủ tục hành chính và Quy trình nêu tại Điều 1 Quyết định này tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp theo đúng quy định. Hoàn thành xong trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP (CDVCQG);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng: QH-XD, CCHC (VL<sub>108/23</sub>);
- Lưu: VT, M.A479/11.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Văn Bi**



## DANH MỤC

# THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC SỞ: XÂY DỰNG, GIAO THÔNG VẬN TẢI, NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, CÔNG THƯƠNG, BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU

(Kèm theo Quyết định số: 1953/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

### \* CÁCH THỨC THỰC HIỆN

**Cách thức, trình tự thực hiện tại tỉnh Cà Mau**

#### **Đối với cấp tỉnh:**

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ, thủ tục hành chính trực tiếp đến một trong các cơ quan sau: (1) Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau, (2) Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau, (3) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau, (4) Sở Công Thương tỉnh Cà Mau, (5) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ website <https://dichvucong.gov.vn> hoặc Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Cà Mau, địa chỉ website <http://dichvucong.camau.gov.vn> (nếu đủ điều kiện theo quy định).

#### **Đối với cấp huyện:**

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ, thủ tục hành chính đến Phòng Kinh tế và hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị thông qua bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện; hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ website <https://dichvucong.gov.vn> hoặc Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Cà Mau, địa chỉ website <http://dichvucong.camau.gov.vn> (nếu đủ điều kiện theo quy định).

#### **Thời gian tiếp nhận:**

Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

- + Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.
- + Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.


**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TỈNH**

| STT  | Số hồ sơ<br>TTHC               | Tên thủ tục<br>hành chính   | Thời hạn<br>giải quyết  | Địa điểm thực<br>hiện   | Phí, lệ phí<br>(nếu có)                                | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú  |
|--|--------------------------------|---|---|---|--|--|--|
| <b>Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 08/7/2021</b> |                                |   |   |   |  |  |  |
| 1  | 1.009972.<br>000.00.00.<br>H12 | Thẩm định<br>Báo cáo<br>nghiên cứu<br>khả thi đầu<br>tư xây<br>dựng/Báo<br>cáo nghiên<br>cứu khả thi<br>đầu tư xây<br>dựng điều<br>chỉnh. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án nhóm A: Trong thời hạn 28 ngày (cắt giảm 07/35 ngày, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Dự án nhóm B: Trong thời hạn 20 ngày (cắt giảm 05/25 ngày, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Dự án nhóm C: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm Tiếp nhận và Trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.</li> <li>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.</li> </ul> | Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</li> <li>- <i>Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</i></li> </ul> | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.009972" trên Công Dịch vụ công quốc gia |

| STT  | Số hồ sơ<br>TTHC               | Tên thủ tục<br>hành chính   | Thời hạn<br>giải quyết  | Địa điểm thực<br>hiện   | Phí, lệ phí<br>(nếu có)                                | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú  |
|--|--------------------------------|---|---|---|--|---|--|
| <b>Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 08/7/2021</b> |                                |   |   |   |  |   |  |
| 2  | 1.009973.<br>000.00.00.<br>H12 | Thẩm định<br>thiết kế xây<br>dựng triển<br>khai sau thiết<br>kế cơ sở/thiết<br>kế xây dựng<br>triển khai sau<br>thiết kế cơ sở<br>điều chỉnh. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt: Trong thời hạn 32 ngày (cắt giảm 08/40 ngày, tỷ lệ 20%) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Đối với công trình cấp II, III: Trong thời hạn 22 ngày (cắt giảm 08/30 ngày, tỷ lệ 26.66%) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Đối với công trình còn lại: Trong thời hạn 15 ngày (cắt giảm 05/20</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm Tiếp nhận và Trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.</li> <li>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.</li> </ul> | Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</li> <li>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</li> </ul> | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.009973" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia |

| STT  | Số hồ sơ<br>TTHC               | Tên thủ tục<br>hành chính   | Thời hạn<br>giải quyết   | Địa điểm thực<br>hiện  | Phí, lệ phí<br>(nếu có)   | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú  |
|--|--------------------------------|---|--|--|---|---|--|
| <b>Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 08/7/2021</b> |                                |   |  |  |   |   |  |
|  |                                |   | ngày, tỷ lệ<br>25%), kể từ<br>ngày nhận được<br>hồ sơ hợp lệ.  |  |   |   |  |
| 3  | 1.009974.<br>000.00.00.<br>H12 | Cấp giấy<br>phép xây<br>dựng mới đối<br>với công<br>trình cấp đặc<br>biệt, cấp I,<br>cấp II (công<br>trình Không<br>theo<br>tuyên/Theo<br>tuyên trong<br>đô thị/Tín<br>ngưỡng, tôn<br>giáo /Tượng<br>đài, tranh<br>hoành<br>tráng/Theo<br>giai đoạn cho<br>công trình<br>không theo<br>tuyên/Theo | Trong thời hạn<br>09 ngày làm<br>việc (cắt giảm<br>11/20 ngày làm<br>việc, tỷ lệ 45%)<br>kể từ ngày nhận<br>đủ hồ sơ hợp lệ. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm Tiếp nhận và Trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.</li> <li>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp:<br/>+ Lệ phí Cấp giấy phép xây dựng công trình khác, mức thu 150.000 đồng/01 giấy phép.</li> <li>+ Lệ phí Cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ, mức thu 75.000 đồng/01 giấy phép.</li> <li>- Khi thực hiện nộp hồ</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</li> <li>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</li> <li>- Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 10/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về mức thu phí và lệ phí đối với một số dịch vụ công</li> </ul> | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.009974" trên Công Dịch vụ công quốc gia |

| STT  | Số hồ sơ<br>TTHC               | Tên thủ tục<br>hành chính  | Thời hạn<br>giải quyết  | Địa điểm thực<br>hiện   | Phí, lệ phí<br>(nếu có)  | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú  |
|--|--------------------------------|--|---|---|--|--|--|
| <b>Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 08/7/2021</b> |                                |  |   |   |  |  |  |
|  |                                | giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)  |   |   | sơ trực tuyến:<br>Lệ phí cấp phép xây dựng: Mức thu bằng 0%.   | trực tuyến trên địa bàn tỉnh Cà Mau.   |  |
| 4  | 1.009975.<br>000.00.00.<br>H12 | Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình | Trong thời hạn 09 ngày làm việc (cắt giảm 11/20 ngày, tỷ lệ cắt giảm 45%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Địa điểm Tiếp nhận và Trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.<br>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: <i>Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.</i> | - <i>Cấp giấy phép xây dựng công trình khác, mức thu 150.000 đồng/01 giấy phép.</i><br>- <i>Cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ, mức thu 75.000 đồng/01 giấy phép.</i> | - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;<br>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;<br>- Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau.<br>- <i>Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của</i> | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.009975" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia |

| STT  | Số hồ sơ<br>TTHC               | Tên thủ tục<br>hành chính   | Thời hạn<br>giải quyết   | Địa điểm thực<br>hiện  | Phí, lệ phí<br>(nếu có)  | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú  |
|--|--------------------------------|---|--|--|--|---|--|
| <b>Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 08/7/2021</b> |                                |   |  |  |  |   |  |
|  |                                | không theo<br>tuyên/Theo<br>giai đoạn cho<br>công trình<br>theo tuyên<br>trong đô<br>thị/Dự án).  |  |  |  | <i>Bộ Xây dựng.</i>   |  |
| 5  | 1.009976.<br>000.00.00.<br>H12 | Cấp giấy<br>phép di dời<br>đối với công<br>trình cấp đặc<br>biệt, cấp I,<br>cấp II (công<br>trình Không<br>theo<br>tuyên/Theo<br>tuyên trong<br>đô thị/Tín<br>ngưỡng, tôn<br>giáo/Tượng<br>đài, tranh<br>hoành<br>tráng/Theo<br>giai đoạn cho<br>công trình | Trong thời hạn<br>09 ngày làm<br>việc (cắt giảm<br>11/20 ngày, tỷ<br>lệ cắt giảm<br>45%), kể từ<br>ngày nhận đủ<br>hồ sơ hợp lệ. | - Địa điểm Tiếp<br>nhận và Trả kết<br>quả trực tiếp:<br>Trung tâm Giải<br>quyết thủ tục<br>hành chính tỉnh.<br><br>- Cơ quan thực<br>hiện thủ tục hành<br>chính: <i>Sở Xây<br/>dựng, Ban Quản<br/>lý Khu kinh tế<br/>tỉnh.</i> | - <i>Cấp giấy<br/>phép xây<br/>dựng công<br/>trình khác,<br/>mức thu<br/>150.000<br/>đồng/01 giấy<br/>phép.</i><br><br>- <i>Cấp giấy<br/>phép xây<br/>dựng nhà ở<br/>riêng lẻ,<br/>mức thu<br/>75.000<br/>đồng/01 giấy<br/>phép.</i> | - Luật Xây dựng năm 2014<br>và Luật sửa đổi, bổ sung một<br>số điều của Luật Xây dựng<br>năm 2020;<br>- Nghị định số 15/2021/NĐ-<br>CP ngày 03/3/2021 của<br>Chính phủ quy định chi tiết<br>một số nội dung về quản lý<br>dự án đầu tư xây dựng;<br><br>- Nghị quyết số 01/2020/NQ-<br>HĐND ngày 10/7/2020 của<br>Hội đồng nhân dân tỉnh Cà<br>Mau về phí và lệ phí trên địa<br>bàn tỉnh Cà Mau.<br><br>- <i>Nghị định số 35/2023/NĐ-<br/>CP ngày 20/6/2023 của Chính<br/>phủ sửa đổi, bổ sung một số</i> | Các bộ phận<br>tạo thành cơ<br>bản còn lại<br>của thủ tục<br>được kết<br>nối, tích<br>hợp theo mã<br>hồ sơ<br>"1.009976"<br>trên Công<br>Dịch vụ<br>công quốc<br>gia |



| STT  | Số hồ sơ<br>TTHC               | Tên thủ tục<br>hành chính   | Thời hạn<br>giải quyết   | Địa điểm thực<br>hiện  | Phí, lệ phí<br>(nếu có)   | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú  |
|--|--------------------------------|---|--|--|---|---|--|
| <b>Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 08/7/2021</b> |                                |   |  |  |   |   |  |
|  |                                | không theo<br>tuyên/Theo<br>giai đoạn cho<br>công trình<br>theo tuyên<br>trong đô<br>thị/Dự án).  |  |  |   | <i>điều của các Nghị định thuộc<br/>lĩnh vực quản lý nhà nước của<br/>Bộ Xây dựng.</i>  |  |
| 6  | 1.009977.<br>000.00.00.<br>H12 | Cấp điều<br>chỉnh giấy<br>phép xây<br>dựng đối với<br>công trình<br>cấp đặc biệt,<br>cấp I, cấp II<br>(công trình<br>Không theo<br>tuyên/Theo<br>tuyên trong<br>đô thị/Tín<br>ngưỡng, tôn<br>giáo/Tượng<br>đài, tranh<br>hoành<br>tráng/Theo<br>giai đoạn cho | Trong thời hạn<br>09 ngày làm<br>việc (cắt giảm<br>11/20 ngày, tỷ<br>lệ cắt giảm<br>45%), kể từ<br>ngày nhận đủ<br>hồ sơ hợp lệ. | - Địa điểm Tiếp<br>nhận và Trả kết<br>quả trực tiếp:<br>Trung tâm Giải<br>quyết thủ tục<br>hành chính tỉnh.<br>- Cơ quan thực<br>hiện thủ tục hành<br>chính: <i>Sở Xây<br/>dựng, Ban Quản<br/>lý Khu kinh tế<br/>tỉnh.</i> | Điều chỉnh<br>giấy phép<br>xây dựng,<br>mức thu<br>15.000<br>đồng/01 lần. | - Luật Xây dựng năm 2014<br>và Luật sửa đổi, bổ sung một<br>số điều của Luật Xây dựng<br>năm 2020;<br>- Nghị định số 15/2021/NĐ-<br>CP ngày 03/3/2021 của<br>Chính phủ quy định chi tiết<br>một số nội dung về quản lý<br>dự án đầu tư xây dựng;<br>- Nghị quyết số 01/2020/NQ-<br>HĐND ngày 10/7/2020 của<br>Hội đồng nhân dân tỉnh Cà<br>Mau về phí và lệ phí trên địa<br>bàn tỉnh Cà Mau.<br>- <i>Nghị định số 35/2023/NĐ-<br/>CP ngày 20/6/2023 của Chính<br/>phủ sửa đổi, bổ sung một số</i> | Các bộ phận<br>tạo thành cơ<br>bản còn lại<br>của thủ tục<br>được kết<br>nối, tích<br>hợp theo mã<br>hồ sơ<br>"1.009977"<br>trên Công<br>Dịch vụ<br>công quốc<br>gia |

| STT  | Số hồ sơ<br>TTHC               | Tên thủ tục<br>hành chính   | Thời hạn<br>giải quyết   | Địa điểm thực<br>hiện  | Phí, lệ phí<br>(nếu có)                                 | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú  |
|--|--------------------------------|---|--|--|---|--|--|
| <b>Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 08/7/2021</b> |                                |   |  |  |   |  |  |
|  |                                | công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).   |  |  |   | <i>điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</i>   |  |
| 7  | 1.009978.<br>000.00.00.<br>H12 | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho | Trong thời hạn 03 ngày làm việc (cắt giảm 02/05 ngày làm việc, tỷ lệ 40%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Địa điểm Tiếp nhận và Trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.<br><br>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh. | Gia hạn giấy phép xây dựng, mức thu 15.000 đồng/01 lần. | - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;<br>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;<br>- Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau.<br><br>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009978” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia |

| STT  | Số hồ sơ<br>TTHC               | Tên thủ tục<br>hành chính  | Thời hạn<br>giải quyết   | Địa điểm thực<br>hiện  | Phí, lệ phí<br>(nếu có)   | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú  |
|--|--------------------------------|--|--|--|---|---|--|
| <b>Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 08/7/2021</b> |                                |  |  |  |   |   |  |
|  |                                | công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).  |  |  |   | <i>phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</i>  |  |
| 8  | 1.009979.<br>000.00.00.<br>H12 | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho | Trong thời hạn 03 ngày làm việc (cắt giảm 02/05 ngày làm việc, tỷ lệ 40%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Địa điểm Tiếp nhận và Trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.<br><br>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh. | Cấp lại (bảo sao) giấy phép xây dựng, mức thu 15.000 đồng/01 lần. | - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;<br>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;<br><br>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009979” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia |

| SET  | Số hồ sơ<br>TTHC               | Tên thủ tục<br>hành chính   | Thời hạn<br>giải quyết   | Địa điểm thực<br>hiện   | Phí, lệ phí<br>(nếu có)                        | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú  |
|--|--------------------------------|---|--|---|--|---|--|
| <b>Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 08/7/2021</b> |                                |   |  |   |  |   |  |
|  |                                | công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án). |  |   |  |   |  |
| 9  | 1.009982.<br>000.00.00.<br>H12 | Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III.                     | Trong thời hạn 10 ngày làm việc (cắt giảm 10/20 ngày làm việc, tỷ lệ 50%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Chưa bao gồm thời gian làm việc của Hội đồng tổ chức sát hạch: 30 ngày) | - Địa điểm Tiếp nhận và Trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.<br>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện. | Theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng. | - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;<br>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;<br>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.009982" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia |

| STT  | Số hồ sơ<br>TTHC               | Tên thủ tục<br>hành chính  | Thời hạn<br>giải quyết  | Địa điểm thực<br>hiện   | Phí, lệ phí<br>(nếu có)                        | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú  |
|--|--------------------------------|--|---|---|--|--|--|
| <b>Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 08/7/2021</b> |                                |  |   |   |  |  |  |
| 10   | 1.009983.<br>000.00.00.<br>H12 | Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III           | Trong thời hạn 12 ngày làm việc (cắt giảm 08/20 ngày làm việc, tỷ lệ 40%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Chưa bao gồm thời gian làm việc của Hội đồng tổ chức sát hạch: 30 ngày). | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm Tiếp nhận và Trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.</li> <li>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện.</li> </ul> | Theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</li> <li>- <i>Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</i></li> </ul> | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009983” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia |
| 11   | 1.009984.<br>000.00.00.<br>H12 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (trường hợp chứng chỉ | Trong thời hạn 08 ngày làm việc (cắt giảm 02/10 ngày làm việc, tỷ lệ 20%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm Tiếp nhận và Trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.</li> <li>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành</li> </ul>  | Theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</li> </ul>   | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009984”                                 |

| STT  | Số hồ sơ<br>TTHC               | Tên thủ tục<br>hành chính  | Thời hạn<br>giải quyết   | Địa điểm thực<br>hiện   | Phí, lệ phí<br>(nếu có)                        | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú  |
|--|--------------------------------|--|--|---|--|---|--|
| <b>Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 08/7/2021</b> |                                |  |  |   |  |   |  |
|  |                                | mất, hư hỏng)  |  | chính: Sở Xây dựng, Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện.  |  | - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.   | trên Cổng Dịch vụ công quốc gia  |
| 12   | 1.009985.<br>000.00.00.<br>H12 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (bị ghi sai thông tin). | Trong thời hạn 03 ngày làm việc (cắt giảm 02/05 ngày làm việc, tỷ lệ 40%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Địa điểm Tiếp nhận và Trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.<br>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện. | Theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng. | - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;<br>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;<br>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009985” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia |
| 13   | 1.009986.<br>000.00.00.        | Cấp điều chỉnh, bổ   | Trong thời hạn 10 ngày làm   | - Địa điểm Tiếp nhận và Trả kết   | Theo quy định của Bộ                           | - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một   | Các bộ phận tạo thành cơ   |

| STT  | Số hồ sơ<br>TTHC               | Tên thủ tục<br>hành chính  | Thời hạn<br>giải quyết  | Địa điểm thực<br>hiện   | Phí, lệ phí<br>(nếu có)                        | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú  |
|--|--------------------------------|--|---|---|--|--|--|
| <b>Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 08/7/2021</b> |                                |  |   |   |  |  |  |
|  | H12                            | sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.              | việc (cắt giảm 10/20 ngày, tỷ lệ cắt giảm 50%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Chưa bao gồm thời gian làm việc của Hội đồng tổ chức sát hạch: 30 ngày). | quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.<br><br>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện. | Tài chính và Bộ Xây dựng.                      | số điều của Luật Xây dựng năm 2020;<br>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;<br><br>- <i>Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</i> | bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.009986" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia            |
| 14   | 1.009987.<br>000.00.00.<br>H12 | Cấp chuyên đổi chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III của cá nhân là người nước ngoài | Trong thời hạn 20 ngày làm việc (cắt giảm 05/25 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.   | - Địa điểm Tiếp nhận và Trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.<br><br>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.          | Theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng. | - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;<br>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;<br><br>- <i>Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính</i>   | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.009987" trên Cổng Dịch vụ |



| STT  | Số hồ sơ<br>TTHC               | Tên thủ tục<br>hành chính   | Thời hạn<br>giải quyết  | Địa điểm thực<br>hiện   | Phí, lệ phí<br>(nếu có)                        | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú  |
|--|--------------------------------|---|---|---|--|--|--|
| <b>Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 08/7/2021</b> |                                |   |   |   |  |  |  |
|  |                                |   |   |   |  | <i>phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</i>   | công quốc gia  |
| 15   | 1.009928.<br>000.00.00.<br>H12 | Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III. | Trong thời hạn 12 ngày làm việc (cắt giảm 08/20 ngày, tỷ lệ cắt giảm 40%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Địa điểm Tiếp nhận và Trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.<br>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện. | Theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng. | - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;<br>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;<br>- <i>Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</i> | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009928” trên Công Dịch vụ công quốc gia |
| 16   | 1.009988.<br>000.00.00.<br>H12 | Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu                               | Trong thời hạn 12 ngày làm việc (cắt giảm 08/20 ngày, tỷ  | - Địa điểm Tiếp nhận và Trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải   | Theo quy định của Bộ Tài chính.                | - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;<br>- Nghị định số 15/2021/NĐ-  | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục   |



| STT  | Số hồ sơ<br>TTHC               | Tên thủ tục<br>hành chính   | Thời hạn<br>giải quyết   | Địa điểm thực<br>hiện   | Phí, lệ phí<br>(nếu có)               | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú  |
|--|--------------------------------|---|--|---|---------------------------------------|--|--|
| <b>Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 08/7/2021</b> |                                |   |  |   |                                       |  |  |
|  |                                | hạng II,<br>hạng III  | lệ cắt giảm<br>40%), kể từ<br>ngày nhận đủ<br>hồ sơ hợp lệ.  | quyết thủ tục<br>hành chính tỉnh.<br>- Cơ quan thực<br>hiện thủ tục hành<br>chính: Sở Xây<br>dựng, Tổ chức xã<br>hội nghề nghiệp<br>đủ điều kiện.   |                                       | CP ngày 03/3/2021 của<br>Chính phủ quy định chi tiết<br>một số nội dung về quản lý<br>dự án đầu tư xây dựng;<br>- <i>Nghị định số 35/2023/NĐ-<br/>CP ngày 20/6/2023 của Chính<br/>phủ sửa đổi, bổ sung một số<br/>điều của các Nghị định thuộc<br/>lĩnh vực quản lý nhà nước của<br/>Bộ Xây dựng.</i>  | được kết<br>nối, tích<br>hợp theo mã<br>hồ sơ<br>“1.009988”<br>trên Cổng<br>Dịch vụ<br>công quốc<br>gia  |
| 17   | 1.009989.<br>000.00.00.<br>H12 | Cấp lại<br>chứng chỉ<br>năng lực<br>hoạt động<br>xây dựng<br>hạng II,<br>hạng III (do<br>mất, hư<br>hỏng) | Trong thời hạn<br>08 ngày làm<br>việc (cắt giảm<br>02/10 ngày làm<br>việc, tỷ lệ 20%)<br>kể từ ngày nhận<br>đủ hồ sơ hợp lệ. | - Địa điểm Tiếp<br>nhận và Trả kết<br>quả trực tiếp:<br>Trung tâm Giải<br>quyết thủ tục<br>hành chính tỉnh.<br>- Cơ quan thực<br>hiện thủ tục hành<br>chính: Sở Xây<br>dựng, Tổ chức xã<br>hội nghề nghiệp<br>đủ điều kiện. | Theo quy<br>định của Bộ<br>Tài chính. | - Luật Xây dựng năm 2014<br>và Luật sửa đổi, bổ sung một<br>số điều của Luật Xây dựng<br>năm 2020;<br>- Nghị định số 15/2021/NĐ-<br>CP ngày 03/3/2021 của<br>Chính phủ quy định chi tiết<br>một số nội dung về quản lý<br>dự án đầu tư xây dựng;<br>- <i>Nghị định số 35/2023/NĐ-<br/>CP ngày 20/6/2023 của Chính<br/>phủ sửa đổi, bổ sung một số<br/>điều của các Nghị định thuộc<br/>lĩnh vực quản lý nhà nước của</i> | Các bộ phận<br>tạo thành cơ<br>bản còn lại<br>của thủ tục<br>được kết<br>nối, tích<br>hợp theo mã<br>hồ sơ<br>“1.009989”<br>trên Cổng<br>Dịch vụ<br>công quốc<br>gia |

| STT  | Số hồ sơ<br>TTHC               | Tên thủ tục<br>hành chính   | Thời hạn<br>giải quyết   | Địa điểm thực<br>hiện   | Phí, lệ phí<br>(nếu có)               | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú  |
|--|--------------------------------|---|--|---|---------------------------------------|---|--|
| <b>Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 08/7/2021</b> |                                |   |  |   |                                       |   |  |
|  |                                |   |  |   |                                       | <i>Bộ Xây dựng.</i>   |  |
| 18   | 1.009990.<br>000.00.00.<br>H12 | Cấp lại<br>chứng chỉ<br>năng lực<br>hoạt động<br>xây dựng<br>hạng II,<br>hạng III (do<br>bị ghi sai<br>thông tin) | Trong thời hạn<br>08 ngày làm<br>việc (cắt giảm<br>02/10 ngày làm<br>việc, tỷ lệ 20%)<br>kể từ ngày nhận<br>đủ hồ sơ hợp lệ. | - Địa điểm Tiếp<br>nhận và Trả kết<br>quả trực tiếp:<br>Trung tâm Giải<br>quyết thủ tục<br>hành chính tỉnh.<br><br>- Cơ quan thực<br>hiện thủ tục hành<br>chính: Sở Xây<br>dựng, Tổ chức xã<br>hội nghề nghiệp<br>đủ điều kiện. | Theo quy<br>định của Bộ<br>Tài chính. | - Luật Xây dựng năm 2014<br>và Luật sửa đổi, bổ sung một<br>số điều của Luật Xây dựng<br>năm 2020;<br>- Nghị định số 15/2021/NĐ-<br>CP ngày 03/3/2021 của<br>Chính phủ quy định chi tiết<br>một số nội dung về quản lý<br>dự án đầu tư xây dựng;<br><br>- <i>Nghị định số 35/2023/NĐ-<br/>CP ngày 20/6/2023 của Chính<br/>phủ sửa đổi, bổ sung một số<br/>điều của các Nghị định thuộc<br/>lĩnh vực quản lý nhà nước của<br/>Bộ Xây dựng.</i> | Các bộ phận<br>tạo thành cơ<br>bản còn lại<br>của thủ tục<br>được kết<br>nối, tích<br>hợp theo mã<br>hồ sơ<br>"1.009990"<br>trên Công<br>Dịch vụ<br>công quốc<br>gia |
| 19   | 1.009991.<br>000.00.00.<br>H12 | Cấp điều<br>chỉnh, bổ<br>sung nội<br>dung chứng<br>chỉ năng lực<br>hoạt động<br>xây dựng<br>hạng II,              | Trong thời hạn<br>12 ngày làm<br>việc (cắt giảm<br>08/20 ngày, tỷ<br>lệ cắt giảm<br>40%), kể từ<br>ngày nhận đủ              | - Địa điểm Tiếp<br>nhận và Trả kết<br>quả trực tiếp:<br>Trung tâm Giải<br>quyết thủ tục<br>hành chính tỉnh.<br><br>- Cơ quan thực   | Theo quy<br>định của Bộ<br>Tài chính. | - Luật Xây dựng năm 2014<br>và Luật sửa đổi, bổ sung một<br>số điều của Luật Xây dựng<br>năm 2020;<br>- Nghị định số 15/2021/NĐ-<br>CP ngày 03/3/2021 của<br>Chính phủ quy định chi tiết<br>một số nội dung về quản lý  | Các bộ phận<br>tạo thành cơ<br>bản còn lại<br>của thủ tục<br>được kết<br>nối, tích<br>hợp theo mã  |

| STT  | Số hồ sơ<br>TTHC               | Tên thủ tục<br>hành chính  | Thời hạn<br>giải quyết   | Địa điểm thực<br>hiện   | Phí, lệ phí<br>(nếu có)         | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú  |
|--|--------------------------------|--|--|---|---------------------------------|---|--|
| <b>Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 08/7/2021</b> |                                |  |  |   |                                 |   |  |
|  |                                | hạng III   | hồ sơ hợp lệ.  | hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện.  |                                 | dự án đầu tư xây dựng;<br>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.   | hồ sơ “1.009991” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia   |
| 20   | 1.009936.<br>000.00.00.<br>H12 | Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III. | Trong thời hạn 08 ngày (cắt giảm 12/20 ngày, tỷ lệ 60%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Địa điểm Tiếp nhận và Trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.<br>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện. | Theo quy định của Bộ Tài chính. | - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;<br>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;<br>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009936” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia |

**H. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ CẤP TỈNH**

| STT  | Số hồ sơ TTTC          | Tên thủ tục hành chính được thay thế   | Tên thủ tục hành chính thay thế                                  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí (nếu có)            | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú  |
|--|------------------------|--|--|---|--|---------------------------------|--|--|
| <b>Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 08/7/2021</b> |                        |  |  |   |  |                                 |  |  |
| 1  | 1.009958.000.00.00.H12 | Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm A, dự án trên địa bàn hai tỉnh trở lên | <i>Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài.</i> | Trong thời hạn 16 ngày làm việc (cắt giảm 04/20 ngày làm việc, tỷ lệ 20%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | - Địa điểm Tiếp nhận và Trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.<br><br>- <i>Cơ quan thực hiện, thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.</i> | Theo quy định của Bộ Tài chính. | - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;<br>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.011976" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia |
| 2  | 1.009980.000.00.00.H12 | Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, nhóm C                              | <i>Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài.</i> |   |  |                                 | - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ  |  |

| STT  | Số hồ sơ<br>TTHC               | Tên thủ tục hành<br>chính được thay<br>thế  | Tên<br>thủ tục<br>hành<br>chính<br>thay<br>thế  | Thời hạn<br>giải quyết  | Địa điểm thực<br>hiện   | Phí, lệ phí<br>(nếu có)                  | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú  |
|--|--------------------------------|---|---|---|---|--|---|--|
| <b>Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 08/7/2021</b> |                                |   |   |   |   |  |   |  |
|  |                                |   |   |   |   |  | <i>Xây dựng.</i>  |  |
| 3  | 1.009959<br>.000.00.0<br>0.H12 | Cấp giấy phép<br>hoạt động xây<br>dựng điều chỉnh<br>cho nhà thầu<br>nước ngoài thuộc<br>dự án nhóm A,<br>dự án trên địa<br>bàn hai tỉnh trở<br>lên | <i>Cấp<br/>điều<br/>chỉnh<br/>giấy<br/>phép<br/>hoạt<br/>động<br/>xây<br/>dựng<br/>cho<br/>nhà<br/>thầu<br/>nước<br/>ngoài.</i> | Trong thời<br>hạn 16 ngày<br>làm việc (cắt<br>giảm 04/20<br>ngày làm<br>việc, tỷ lệ<br>20%) kể từ<br>ngày nhận đủ<br>hồ sơ hợp lệ | - Địa điểm Tiếp<br>nhận và Trả kết<br>quả trực tiếp:<br>Trung tâm Giải<br>quyết thủ tục<br>hành chính tỉnh.<br><br>- Cơ quan thực<br>hiện, thẩm<br>quyền giải quyết<br>thủ tục hành<br>chính: Sở Xây<br>dựng. | Theo quy<br>định của<br>Bộ Tài<br>chính. | - Luật Xây dựng năm<br>2014 và Luật sửa đổi,<br>bổ sung một số điều<br>của Luật Xây dựng<br>năm 2020;<br>- Nghị định số<br>15/2021/NĐ-CP ngày<br>03/3/2021 của Chính<br>phủ quy định chi tiết<br>một số nội dung về<br>quản lý dự án đầu tư<br>xây dựng;<br><br>- Nghị định số<br>35/2023/NĐ-CP ngày<br>20/6/2023 của Chính<br>phủ sửa đổi, bổ sung<br>một số điều của các<br>Nghị định thuộc lĩnh vực<br>quản lý nhà nước của Bộ | Các bộ<br>phận tạo<br>thành cơ<br>bản còn<br>lại của thủ<br>tục được<br>kết nối,<br>tích hợp<br>theo mã<br>hồ sơ<br>"1.011977<br>" trên<br>Công<br>Dịch vụ<br>công quốc<br>gia |
| 4  | 1.009981<br>.000.00.0<br>0.H12 | Điều chỉnh giấy<br>phép hoạt động<br>xây dựng điều<br>chỉnh cho nhà<br>thầu nước ngoài<br>thuộc dự án nhóm<br>B, nhóm C                             |   |   |   |  |   |  |



| STT  | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|--|---------------|--------------------------------------|---------------------------------|---------------------|--------------------|----------------------|----------------|---------|
| <b>Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 08/7/2021</b> |               |                                      |                                 |                     |                    |                      |                |         |
|  |               |                                      |                                 |                     |                    |                      | Xây dựng.      |         |

### III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP HUYỆN

| STT  | Mã số TTHC             | Tên thủ tục hành chính   | Thời gian giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú  |
|--|------------------------|--|---|--|--|--|--|
| <b>Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 08/7/2021</b> |                        |  |   |  |  |  |  |
| 1  | 1.009994.000.00.00.H12 | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai | - Trường hợp 1: Đối với công trình:<br>Trong thời hạn 09 ngày (cắt giảm 11/20 ngày, tỷ lệ 45%) kể từ ngày nhận được hồ sơ | - Địa điểm Tiếp nhận và Trả kết quả trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện<br><br>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng | - Khi thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp:<br>+ Lệ phí Cấp giấy phép xây dựng công trình khác, mức thu 150.000 đồng/01 giấy phép.<br>+ Lệ phí Cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng | - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;<br>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;<br><br>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.009994" trên Công Dịch vụ |



| STT | Mã số<br>TFHC          | Tên thủ tục<br>hành chính  | Thời gian<br>giải quyết  | Địa điểm thực<br>hiện   | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú   |
|-----|------------------------|--|--|---|---|--|---|
|     |                        | đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.                         | <p>hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp 2: Đối với nhà ở riêng lẻ: trong thời hạn 09 ngày (cắt giảm 06/15 ngày, tỷ lệ 40%) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> | <p>Kinh tế và hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị.</p> <p>- Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện.</p>                                   | <p>lẻ, mức thu 75.000 đồng/01 giấy phép.</p> <p>- Khi thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến: Lệ phí cấp phép xây dựng: Mức thu bằng 0%.</p>                            | <p><i>các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</i></p> <p>- Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 10/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về mức thu phí và lệ phí đối với một số dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Cà Mau.</p>          | <p>công quốc gia</p>  |
| 2   | 1.009995.000.00.00.H12 | Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, | <p>- Trường hợp 1: Đối với công trình: Trong thời hạn 09 ngày (cắt giảm 11/20 ngày, tỷ lệ 45%) kể từ</p>   | <p>- Địa điểm Tiếp nhận và Trả kết quả trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện</p> <p>- Cơ quan thực hiện thủ</p> | <p>- Cấp giấy phép xây dựng công trình khác, mức thu 150.000 đồng/01 giấy phép.</p> <p>- Cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ, mức thu 75.000 đồng/01 giấy</p> | <p>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</p> <p>- Nghị quyết số 01/2020/NQ-</p> | <p>Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.009995" trên Cổng</p> |








| STT | Mã số TFHC             | Tên thủ tục hành chính  | Thời gian giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú  |
|-----|------------------------|---|--|---|---|--|--|
| 3   | 1.009996.000.00.00.H12 | Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | Đối với công trình: Trong thời hạn 09 ngày (cắt giảm 11/20 ngày, tỷ lệ 45%) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | <ul style="list-style-type: none"><li>- Địa điểm Tiếp nhận và Trả kết quả trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện</li><li>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế và hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị.</li><li>- Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện.</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Cấp giấy phép xây dựng công trình khác, mức thu 150.000 đồng/01 giấy phép.</li><li>- Cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ, mức thu 75.000 đồng/01 giấy phép.</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</li><li>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</li><li>- Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau.</li><li>- <i>Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</i></li></ul> | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009996” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia |
| 4   | 1.009997.000.00.00.H12 | Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp  | - Trường hợp 1: Đối với công trình:  | <ul style="list-style-type: none"><li>- Địa điểm Tiếp nhận và Trả kết quả trực tiếp: Bộ</li></ul>   | Điều chỉnh giấy phép xây dựng, mức thu 15.000 đồng/01 lần.  | <ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</li></ul>  | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại   |

| STT | Mã số<br>TTHC           | Tên thủ tục<br>hành chính   | Thời gian<br>giải quyết  | Địa điểm thực<br>hiện   | Phí, lệ phí                    | Căn cứ pháp lý  | Ghi chú  |
|-----|-------------------------|---|--|---|--------------------------------|---|--|
|     |                         | III, cấp IV<br>(công trình<br>Không theo<br>tuyển/Theo<br>tuyển trong đô<br>thị/Tín ngưỡng,<br>tôn giáo/Tượng<br>đài, tranh hoành<br>tráng/Theo giai<br>đoạn cho công<br>trình không<br>theo tuyển/Theo<br>giai đoạn cho<br>công trình theo<br>tuyển trong đô<br>thị/Dự án) và<br>nhà ở riêng lẻ. | Trong thời<br>hạn 09<br>ngày (cắt<br>giảm 11/20<br>ngày, tỷ lệ<br>45%) kể từ<br>ngày nhận<br>được hồ sơ<br>hợp lệ.<br>- Trường<br>hợp 2: Đối<br>với nhà ở<br>riêng lẻ:<br>trong thời<br>hạn 09<br>ngày (cắt<br>giảm 06/15<br>ngày, tỷ lệ<br>40%) kể từ<br>ngày nhận<br>được hồ sơ<br>hợp lệ. | Tiếp<br>nhận và Trả<br>kết quả cấp<br>huyện<br>- Cơ quan<br>thực hiện thủ<br>tục hành<br>chính: Phòng<br>Kinh tế và hạ<br>tầng, Phòng<br>Quản lý đô<br>thị.<br>- Cơ quan<br>quyết định:<br>UBND cấp<br>huyện. |                                | - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP<br>ngày 03/3/2021 của Chính phủ<br>quy định chi tiết một số nội<br>dung về quản lý dự án đầu tư<br>xây dựng;<br>- Nghị quyết số 01/2020/NQ-<br>HĐND ngày 10/7/2020 của Hội<br>đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về<br>phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà<br>Mau.<br>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP<br>ngày 20/6/2023 của Chính phủ<br>sửa đổi, bổ sung một số điều của<br>các Nghị định thuộc lĩnh vực<br>quản lý nhà nước của Bộ Xây<br>dựng. | của thủ tục<br>được kết<br>nối, tích<br>hợp theo<br>mã hồ sơ<br>"1.009997"<br>trên Cổng<br>Dịch vụ<br>công quốc<br>gia |
| 5   | 1.009998.<br>000.00.00. | Gia hạn giấy<br>phép xây dựng   | Trong thời<br>hạn 04   | - Địa điểm<br>Tiếp nhận và  | Gia hạn giấy<br>phép xây dựng, | - Luật Xây dựng năm 2014 và<br>Luật sửa đổi, bổ sung một số<br>điều của Luật Xây dựng năm   | Các bộ<br>phận tạo   |

| STT | Mã số TTHC             | Tên thủ tục hành chính   | Thời gian giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú  |
|-----|------------------------|--|---|--|---|--|--|
|     | H12                    | đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | ngày làm việc (cắt giảm 01/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | <p>Trả kết quả trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện</p> <p>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế và hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị.</p> <p>- Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện.</p> | mức thu 15.000 đồng/01 lần.                                       | <p>2020;</p> <p>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</p> <p>- Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau.</p> <p>- <i>Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</i></p> | thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.009998" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia |
| 6   | 1.009999.000.00.00.H12 | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không  | Trong thời hạn 04 ngày làm việc (cắt giảm 01/05 ngày, tỷ lệ                                 | <p>- Địa điểm Tiếp nhận và Trả kết quả trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả</p>   | Cấp lại (bản sao) giấy phép xây dựng, mức thu 15.000 đồng/01 lần. | <p>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội</p>   | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết  |



| STT | Mã số<br>TTHC | Tên thủ tục<br>hành chính  | Thời gian<br>giải quyết                           | Địa điểm thực<br>hiện   | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý   | Ghi chú  |
|-----|---------------|--|---|---|-------------|--|--|
|     |               | theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | kết quả cấp huyện<br>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế và hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị.<br>- Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện. |             | dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;<br>- Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau.<br>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | nôi, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009999” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia |

**Tổng Danh mục có 28 thủ tục hành chính. Trong đó: có 20 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung cấp tỉnh, 02 thủ tục hành chính thay thế cấp tỉnh, 06 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung cấp huyện./.**



**QUY TRÌNH**  
**NỘI BỘ, LIÊN THÔNG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG THUỘC THẨM QUYỀN**  
**GIẢI QUYẾT CỦA CÁC SỞ: XÂY DỰNG, GIAO THÔNG VẬN TẢI,**  
**NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, CÔNG THƯƠNG,**  
**BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU**

*(Kèm theo Quyết định số: 1953 /QĐ-UBND ngày 02/11/2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TỈNH**

**1. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh (Mã TTHC 1.009972.000.00.00.H12)**

**a) Thời gian giải quyết:**

- Trường hợp 1: Dự án nhóm A: Trong thời hạn 28 ngày (cắt giảm 07/35 ngày, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Trường hợp 2: Dự án nhóm B: Trong thời hạn 20 ngày (cắt giảm 05/25 ngày, tỷ lệ 20%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Trường hợp 3: Dự án nhóm C: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**b) Quy trình giải quyết:**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp thực hiện tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (*viết tắt là Cơ quan chủ trì thẩm định cấp tỉnh*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng chuyên môn của Cơ quan chủ trì thẩm định cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), tổng hợp, thẩm định (*bao gồm lấy ý kiến các cơ quan có liên quan*) và hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*) chuyển Lãnh đạo Phòng chuyên môn Cơ quan chủ trì thẩm định cấp tỉnh trình Lãnh đạo Cơ quan chủ trì thẩm định cấp tỉnh ký phê duyệt kết quả thủ tục hành chính theo quy định: Trường hợp 1: 27,5 ngày; trường hợp 2: 19,5 ngày, trường hợp 3: 14,5 ngày.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.



**2. Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh (Mã TTHC 1.009973.000.00.00.H12)**

**a) Thời gian giải quyết:**

- Trường hợp 1: Đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt: Trong thời hạn 32 ngày (cắt giảm 08/40 ngày, tỷ lệ 20%) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Trường hợp 2: Đối với công trình cấp II, III: Trong thời hạn 22 ngày (cắt giảm 08/30 ngày, tỷ lệ 26.66%) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Trường hợp 3: Đối với công trình còn lại: Trong thời hạn 15 ngày (cắt giảm 05/20 ngày, tỷ lệ 25%) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**b) Quy trình giải quyết:**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp thực hiện tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (*viết tắt là Cơ quan chủ trì thẩm định cấp tỉnh*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng chuyên môn của Cơ quan chủ trì thẩm định cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), tổng hợp, thẩm định (*bao gồm lấy ý kiến các cơ quan có liên quan*) và hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*) chuyển Lãnh đạo Phòng chuyên môn Cơ quan chủ trì thẩm định cấp tỉnh trình Lãnh đạo Cơ quan chủ trì thẩm định cấp tỉnh ký phê duyệt kết quả thủ tục hành chính theo quy định: Trường hợp 1: 31,5 ngày; trường hợp 2: 21,5 ngày; trường hợp 3: 14,5 ngày.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

**3. Nhóm 04 thủ tục: Cấp giấy phép xây dựng mới công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) (Mã TTHC 1.009974.000.00.00.H12); Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) (Mã TTHC 1.009975.000.00.00.H12); Cấp**



giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) (Mã TTHC 1.009976.000.00.00.H12); Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) (Mã TTHC 1.009977.000.00.00.H12)

**a) Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 09 ngày (cắt giảm 11/20 ngày, tỷ lệ 45%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định.

**b) Quy trình giải quyết:**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp thực hiện tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (*viết tắt là Cơ quan chủ trì*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng chuyên môn của Cơ quan chủ trì cấp phép cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), tổng hợp, thẩm định (*bao gồm lấy ý kiến các cơ quan có liên quan*) và hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*) chuyển Lãnh đạo Phòng chuyên môn Cơ quan chủ trì cấp phép cấp tỉnh trình Lãnh đạo Cơ quan chủ trì ký phê duyệt kết quả thủ tục hành chính theo quy định: 8,5 ngày.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

**4. Nhóm 03 thủ tục: Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) (Mã TTHC 1.009978.000.00.00.H12); Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) (Mã TTHC**



**1.009978.000.00.00.H12); Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (bị ghi sai thông tin) (Mã TTTC 1.009985.000.00.00.H12)**

**a) Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày (cắt giảm 02/05 ngày, tỷ lệ 40%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**b) Quy trình giải quyết:**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp thực hiện tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (*viết tắt là Cơ quan chủ trì*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng chuyên môn của Cơ quan chủ trì cấp phép cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), tổng hợp, thẩm định (*bao gồm lấy ý kiến các cơ quan có liên quan*) và hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*) chuyển Lãnh đạo Phòng chuyên môn Cơ quan chủ trì trình Lãnh đạo Cơ quan chủ trì ký phê duyệt kết quả thủ tục hành chính theo quy định: 2,5 ngày.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

**5. Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III (Mã TTTC 1.009982.000.00.00.H12)**

**a) Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 10 ngày (cắt giảm 10/20 ngày, tỷ lệ 50%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**b) Quy trình giải quyết:**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp thực hiện tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Xây dựng, Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện (*viết tắt là Cơ quan chủ trì*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng chuyên môn của Cơ quan chủ trì tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), tổng hợp, thẩm định (*bao gồm lấy ý kiến các cơ quan có liên quan*) và hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*) chuyển Lãnh đạo Phòng chuyên môn Cơ quan chủ trì trình Lãnh đạo Cơ quan chủ trì ký phê duyệt kết quả thủ tục hành chính theo quy định: 9,5 ngày.





- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

**6. Nhóm 04 thủ tục: Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (Mã TTHC 1.009983.000.00.00.H12); Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (Mã TTHC 1.009928.000.00.00.H12); Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III (Mã TTHC 1.009988.000.00.00.H12); Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (Mã TTHC 1.007391.000.00.00.H12)**

**a) Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 12 ngày (cắt giảm 08/20 ngày, tỷ lệ 40%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**b) Quy trình giải quyết:**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp thực hiện tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Xây dựng/Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện (*viết tắt là Cơ quan chủ trì*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng chuyên môn của Cơ quan chủ trì tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), tổng hợp, thẩm định (*bao gồm lấy ý kiến các cơ quan có liên quan*) và hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*) chuyển Lãnh đạo Phòng chuyên môn Cơ quan chủ trì trình Lãnh đạo Cơ quan chủ trì ký phê duyệt kết quả thủ tục hành chính theo quy định: 11,5 ngày.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

**7. Nhóm 03 thủ tục: Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (trường hợp chứng chỉ còn thời hạn nhưng mất, hư hỏng) (Mã TTHC 1.009984.000.00.00.H12); Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng; Mã TTHC 1.009989.000.00.00.H12); Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (bị ghi sai thông tin; Mã TTHC 1.009990.000.00.00.H12)**

**a) Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 08 ngày (cắt giảm 02/10 ngày, tỷ lệ 25%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.



**b) Quy trình giải quyết:**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp thực hiện tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Xây dựng/Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện (*viết tắt là Cơ quan chủ trì*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng chuyên môn của Cơ quan chủ trì tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), tổng hợp, thẩm định (*bao gồm lấy ý kiến các cơ quan có liên quan*) và hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*) chuyển Lãnh đạo Phòng chuyên môn Cơ quan chủ trì trình Lãnh đạo Cơ quan chủ trì ký phê duyệt kết quả thủ tục hành chính theo quy định: 7,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

**8. Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (Mã TTHC 1.009986.000.00.00.H12)**

**a) Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 10 ngày (cắt giảm 10/20 ngày, tỷ lệ 50%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**b) Quy trình giải quyết:**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp thực hiện tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Xây dựng, Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện (*viết tắt là Cơ quan chủ trì*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng chuyên môn của Cơ quan chủ trì tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), tổng hợp, thẩm định (*bao gồm lấy ý kiến các cơ quan có liên quan*) và hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*) chuyển Lãnh đạo Phòng chuyên môn Cơ quan chủ trì trình Lãnh đạo Cơ quan chủ trì ký phê duyệt kết quả thủ tục hành chính theo quy định: 9,5 ngày.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.



**9. Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III của cá nhân là người nước ngoài (Mã TTHC 1.009987.000.00.00.H12)**

**a) Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 20 ngày (cắt giảm 05/25 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**b) Quy trình giải quyết:**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp thực hiện tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Xây dựng để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng chuyên môn của Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), tổng hợp, thẩm định (*bao gồm lấy ý kiến các cơ quan có liên quan*) và hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*) chuyển Lãnh đạo Phòng chuyên môn Sở Xây dựng trình Lãnh đạo Sở Xây dựng ký phê duyệt kết quả thủ tục hành chính theo quy định: 19,5 ngày.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

**10. Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (Mã TTHC 1.009936.000.00.00.H12)**

**a) Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 08 ngày (cắt giảm 12/20 ngày, tỷ lệ 60%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**b) Quy trình giải quyết:**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp thực hiện tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Xây dựng/Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện (*viết tắt là Cơ quan chủ trì*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng chuyên môn của Cơ quan chủ trì tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), tổng hợp, thẩm định (*bao gồm lấy ý kiến các cơ quan có liên quan*) và hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*) chuyển Lãnh đạo Phòng chuyên môn Cơ quan chủ trì trình Lãnh đạo Cơ quan chủ trì ký phê duyệt kết quả thủ tục hành chính theo quy định: 7,5 ngày.



- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả (đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ CẤP TỈNH

**Nhóm 02 thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài (Mã TTHC 1.011976.000.00.00.H12); Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài (Mã TTHC 1.011977.000.00.00.H12)**

**a) Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 16 ngày (cắt giảm 04/20 ngày, tỷ lệ 20%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

### **b) Quy trình giải quyết:**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp thực hiện tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Xây dựng để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng chuyên môn của Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ (*chúng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), tổng hợp, thẩm định (bao gồm lấy ý kiến các cơ quan có liên quan) và hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*) chuyển Lãnh đạo Phòng chuyên môn Sở Xây dựng trình Lãnh đạo Sở Xây dựng ký phê duyệt kết quả thủ tục hành chính theo quy định: 15,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

## III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP HUYỆN

**1. Nhóm 03 thủ tục: Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (Mã TTHC 1.009994.000.00.00.H12); Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (Mã TTHC 1.009995.000.00.00.H12); Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình**



**cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (Mã TTHC 1.009997.000.00.00.H12)**

**a) Thời gian giải quyết:**

- Trường hợp 1: Đối với công trình: Trong thời hạn 09 ngày (cắt giảm 11/20 ngày, tỷ lệ 45%) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp 2: Đối với nhà ở riêng lẻ: trong thời hạn 09 ngày (cắt giảm 06/15 ngày, tỷ lệ 40%) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**b) Quy trình giải quyết:**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết cấp huyện hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp thực hiện tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ về Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị thành phố Cà Mau để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị thành phố Cà Mau tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), tổng hợp, thẩm định (*bao gồm lấy ý kiến các cơ quan có liên quan*) và hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*) chuyển Lãnh đạo Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị thành phố Cà Mau duyệt, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kết quả thủ tục hành chính theo quy định: Trường hợp 1,2: 8,5 ngày.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết cấp huyện thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả (*đồng thời cập kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

**2. Nhóm 02 thủ tục: Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (Mã TTHC 1.009998.000.00.00.H12); Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (Mã TTHC 1.009999.000.00.00.H12)**

**a) Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 04 ngày làm việc (cắt giảm 01/05 ngày làm việc, tỷ lệ 20%) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.



**b) Quy trình giải quyết:**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết cấp huyện hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp thực hiện tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ về Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc phòng Quản lý đô thị thành phố Cà Mau để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc phòng Quản lý đô thị thành phố Cà Mau tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), tổng hợp, thẩm định (*bao gồm lấy ý kiến các cơ quan có liên quan*) và hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*) chuyển Lãnh đạo Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị thành phố Cà Mau duyệt, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kết quả thủ tục hành chính theo quy định: 2,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết cấp huyện thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

**3. Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (Mã TTHC 1.009996.000.00.00.H12)**

**a) Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 09 ngày (cắt giảm 11/20 ngày, tỷ lệ 45%) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**b) Quy trình giải quyết:**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết cấp huyện hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp thực hiện tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ về Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc phòng Quản lý đô thị thành phố Cà Mau để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc phòng Quản lý đô thị thành phố Cà Mau tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), tổng hợp, thẩm định (*bao gồm lấy ý kiến các cơ quan có liên quan*) và hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*) chuyển Lãnh đạo Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị thành phố Cà Mau duyệt, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kết quả thủ tục hành chính theo quy định: 8,5 ngày.



Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết cấp huyện thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: **0,25** ngày làm việc.

**Lưu ý:** Đối với các Quy trình liên thông như trên đơn vị nào nhận hồ sơ đầu vào xuất phiếu hẹn phải đảm bảo tổng thời gian thực hiện các Quy trình (từ khi nhận hồ sơ đầu vào đến khi kết thúc các quy trình, kết quả cho tổ chức, cá nhân) và để đảm bảo việc trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo phiếu hẹn, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính liên thông/không liên thông chủ động chuyên, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả trước 01 buổi. Đồng thời yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng theo Quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính; cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử theo quy định.

**Tổng Quy trình có 28 thủ tục hành chính. Trong đó: có 20 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung cấp tỉnh, 02 thủ tục hành chính thay thế cấp tỉnh, 06 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung cấp huyện./.**